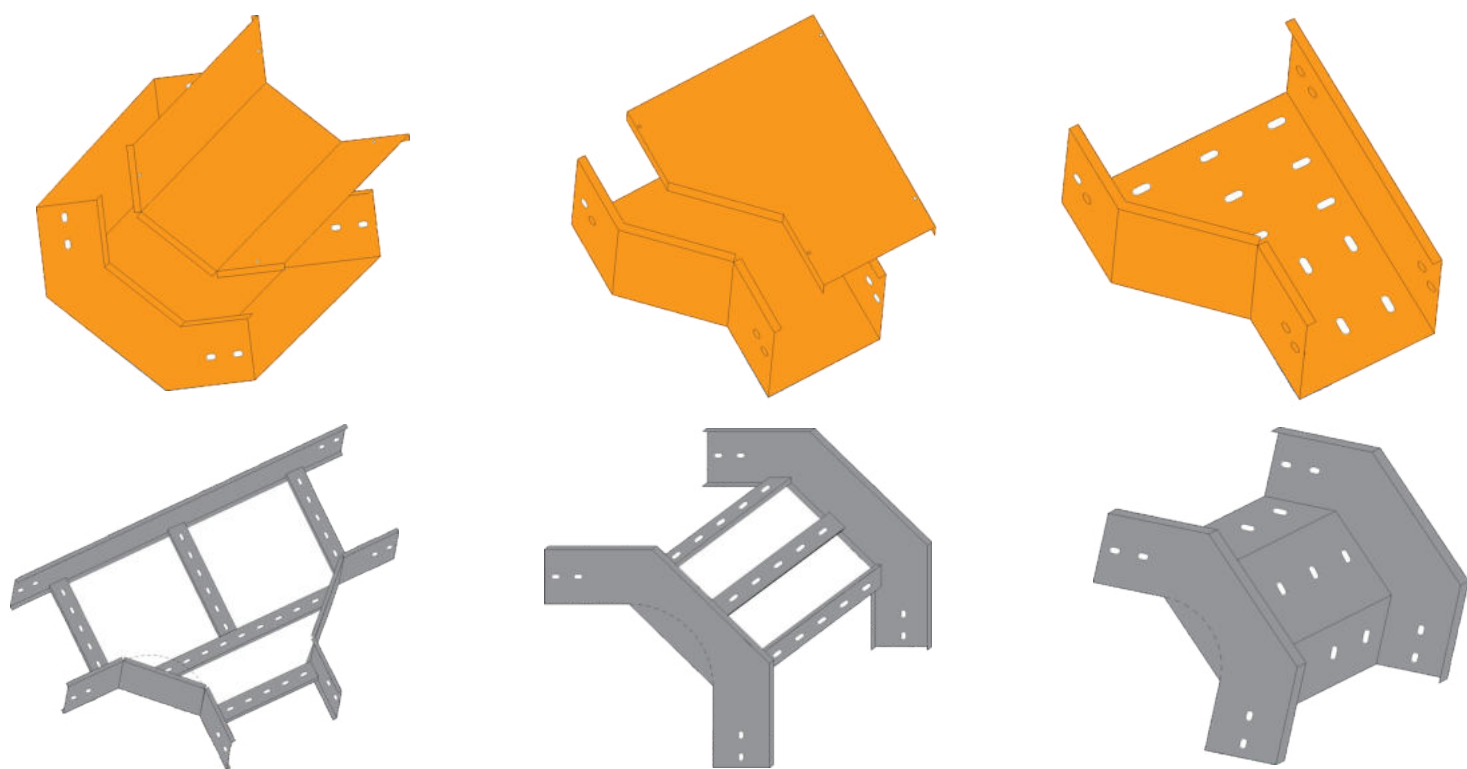




NAM HOA SWITCHBOARD



CABLE SUPPORT CATALOGUE





NAM HOA SWITCHBOARD

Quý khách hàng thân mến,

Lời đầu tiên, Ban Giám Đốc và toàn thể nhân viên công ty CP Cơ Điện Nam Hòa xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng đã quan tâm, tin tưởng sản phẩm và dịch vụ của Công ty chúng tôi. Nam Hòa rất mong được tiếp tục xây dựng, duy trì hợp tác lâu dài với Quý Khách hàng trong tương lai.

Lĩnh vực hoạt động chính của chúng tôi là sản xuất Tủ bảng điện, Thang máng cáp. Qua quá trình hoạt động, tích lũy kinh nghiệm, không ngừng cải tiến phát triển, Nam Hòa đã trở thành công ty hàng đầu về sản xuất Tủ bảng điện, Thang máng cáp đạt được sự tin nhiệm cao của Khách hàng về chất lượng và dịch vụ.

Với hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề, chúng tôi luôn mang đến những sản phẩm chất lượng với giá thành hợp lý, tiến độ giao hàng nhanh chóng. Nam Hòa đã và đang đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Trân trọng,

Dear customers,

First of all, the Board of Directors and all employees of Nam Hoa Electrical Mechanical Joint Stock Company would like to thank our customers for their interest and trust in our company's products and services. Nam Hoa is looking forward to continuing to build and maintain long-term cooperation with customers in the future.

Our main field of activity is to produce Electrical Panel, Cable Support. Through the operation process, accumulating experience, constantly improving and developing, Nam Hoa has become a leading company in manufacturing Electrical Switchboards, Cable Support, gaining high trust from customers for quality and service.

With the system of modern machinery, equipment, professional production management system, skilled staff, we always bring quality products with reasonable prices, fast delivery. Nam Hoa has been meeting the increasing demands of customers.

Sincerely,





NAM HOA SWITCHBOARD

GIỚI THIỆU CHUNG INTRODUCTION

TẦM NHÌN

Trở thành thương hiệu dẫn đầu về sản xuất và cung cấp Tủ bảng điện, Thang máng cáp tại Việt Nam và Khu vực.

SỨ MỆNH

Cung cấp Tủ bảng điện, Thang máng cáp thương hiệu Nam Hòa với chất lượng Quốc tế, giá cả hợp lý nhằm phục vụ sự phát triển của đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LŨI

Con người
Sáng tạo
Tin cậy
Chất lượng
Bền vững



VISION

Becoming the leading brand in manufacturing and supplying Electrical panel, cable support in Vietnam and the region

MISSION

Supplying Electrical panel, cable support of Nam Hoa with international quality, reasonable price to serve the national industry.

CORE VALUES

Human
Creation
Trust
Quality
Lasting

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Chất lượng là *trọng tâm*

Khách hàng là *then chốt*

Chất lượng cuộc sống nhân viên là *trách nhiệm*

Chia sẻ cộng đồng là *nghĩa vụ*

BUSINESS PHILOSOPHY

Quality is the *focus*

Customers are *key*

Quality of life for employees is the *responsibility*

Community sharing is an *obligation*

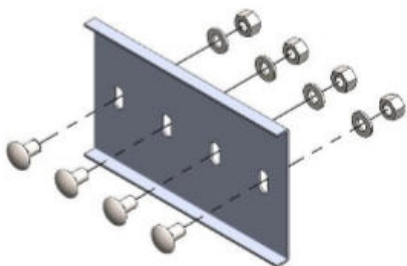


 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		
KT3-02582BCK9/3	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	15/08/2019 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i>	THANG CÁP W400 x H100 X T1,5 x L2500 – CABLE LADDERS	
2. Số lượng mẫu: <i>Quantity</i>	01	
3. Mô tả mẫu: <i>Sample description</i>	Mẫu là thang cáp <i>The as-received sample is cable ladder</i>	
4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	09/08/2019	
5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i>	15/08/2019	
6. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN NAM HÒA 86/7/30 Đinh Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	
7. Điều kiện thử nghiệm: <i>Test condition</i>	- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i> - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i>	
8. Phương pháp thử: <i>Test method</i>	NEMA VE 1 - 2009; TCVN 5878:2007; TCVN 197:2014 ASTM A 1087/A 1087M-16; ASTM A 1073/A 1073M-16 ASTM F 2203-13	
9. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i>	Xem trang 02/03...03/03 <i>See pages</i>	
TL. TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ FOR DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Lâm Chí Tài TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng		
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted (sample(s) only). 2. Không được trích ra một phần phiếu kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 3. Với thông tin chung. / General information. 4. Tên mẫu, mô tả mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request. 5. Độ không đảm bảo đo của kết quả thử nghiệm được tính toán theo cấp độ tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.		
Head Office: 49 Pasteur Street, 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4231 Fax: (84-28) 3829 8812 Website: www.qltest.com.vn Branch: 1, road No. 1, Hoa Thuan 1 St, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 381 8212 Fax: (84-251) 381 8290 E-mail: qltest@qltest.com.vn C7 Ho, K7 road, Cat Lai St, Hoa 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3900 Fax: (84-28) 3742 3134 E-mail: qltest@qltest.com.vn		

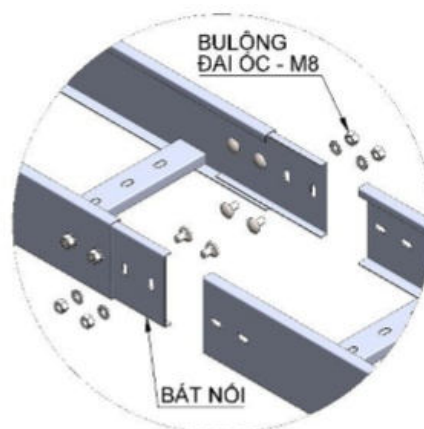
 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		
KT3-02582BCK9/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	15/08/2019 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i>	MĂNG CÁP W150 x H100 X T1,5 x L2500 – CABLE TRUNKING	
2. Số lượng mẫu: <i>Quantity</i>	01	
3. Mô tả mẫu: <i>Sample description</i>	Mẫu là măng cáp <i>The as-received sample is cable trunking</i>	
4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	09/08/2019	
5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i>	15/08/2019	
6. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN NAM HÒA 86/7/30 Đinh Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	
7. Điều kiện thử nghiệm: <i>Test condition</i>	- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i> - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i>	
8. Phương pháp thử: <i>Test method</i>	NEMA VE 1 - 2009; TCVN 5878:2007; TCVN 197:2014 ASTM A 1087/A 1087M-16; ASTM A 1073/A 1073M-16 ASTM F 2203-13	
9. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i>	Xem trang 02/03...03/03 <i>See pages</i>	
TL. TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ FOR DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Lâm Chí Tài TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng		
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted (sample(s) only). 2. Không được trích ra một phần phiếu kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 3. Với thông tin chung. / General information. 4. Tên mẫu, mô tả mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request. 5. Độ không đảm bảo đo của kết quả thử nghiệm được tính toán theo cấp độ tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.		
Head Office: 49 Pasteur Street, 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4231 Fax: (84-28) 3829 8812 Website: www.qltest.com.vn Branch: 1, road No. 1, Hoa Thuan 1 St, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 381 8212 Fax: (84-251) 381 8290 E-mail: qltest@qltest.com.vn C7 Ho, K7 road, Cat Lai St, Hoa 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3900 Fax: (84-28) 3742 3134 E-mail: qltest@qltest.com.vn		

 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3		
KT3-02582BCK9/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	15/08/2019 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i>	KHAY CÁP W200 x H100 X T1,5 x L2500 – CABLE TRAYS	
2. Số lượng mẫu: <i>Quantity</i>	01	
3. Mô tả mẫu: <i>Sample description</i>	Mẫu là khay cáp <i>The as-received sample is cable tray</i>	
4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i>	09/08/2019	
5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i>	15/08/2019	
6. Nơi gửi mẫu: <i>Customer</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN NAM HÒA 86/7/30 Đinh Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	
7. Điều kiện thử nghiệm: <i>Test condition</i>	- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 3 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i> - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min <i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i>	
8. Phương pháp thử: <i>Test method</i>	NEMA VE 1 - 2009; TCVN 5878:2007; TCVN 197:2014 ASTM A 1087/A 1087M-16; ASTM A 1073/A 1073M-16 ASTM F 2203-13	
9. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i>	Xem trang 02/03...03/03 <i>See pages</i>	
TL. TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ FOR DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.  Lâm Chí Tài TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tấn Tùng		
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the sample submitted (sample(s) only). 2. Không được trích ra một phần phiếu kết quả thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ Thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 3. Với thông tin chung. / General information. 4. Tên mẫu, mô tả mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request. 5. Độ không đảm bảo đo của kết quả thử nghiệm được tính toán theo cấp độ tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.		
Head Office: 49 Pasteur Street, 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4231 Fax: (84-28) 3829 8812 Website: www.qltest.com.vn Branch: 1, road No. 1, Hoa Thuan 1 St, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 381 8212 Fax: (84-251) 381 8290 E-mail: qltest@qltest.com.vn C7 Ho, K7 road, Cat Lai St, Hoa 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3900 Fax: (84-28) 3742 3134 E-mail: qltest@qltest.com.vn		

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		SPECIFICATION	
Tiêu chuẩn	NEMA VE 1 - 2002	Standard	NEMA VE 1 - 2002
Chiều rộng tiêu chuẩn(W)	100mm – 1000mm	Dimension width(W)	100mm – 1000mm
Chiều cao tiêu chuẩn(H)	75mm, 100mm, 150mm, 200mm	Standard height(H)	75mm, 100mm, 150mm, 200mm
Chiều dày tiêu chuẩn(T)	1,2mm, 1.5mm, 2.0mm <i>Mạ kẽm nhúng nóng: T (1.5~2.0mm)</i>	Thickness(T)	1,2mm, 1.5mm, 2.0mm <i>Hot Dip gavanized: T (1.5~2.0mm)</i>
Chiều dài tiêu chuẩn(L)	2500mm	Standard length (L)	2500mm
Bề mặt hoàn thiện(F)	Sơn tĩnh điện(E), tráng kẽm(G), Mạ kẽm nhúng nóng(H)	Surface finishing	Electro powder coating(E), Pre-Galvanised(G), Hot Dip galvanised(H)
Màu tiêu chuẩn	Màu xám RAL 7035/ Cam RAL2004/ Xanh RAL 5005. Các màu khác có thể cung cấp tùy theo yêu cầu khách hàng	Standard color	Gray RAL 7035/ Orange RAL 2004/ Blue RAL 5005. Other color are available upon request.
MÃ Sản phẩm	LSS-WWWWHTTE VD: LSS-0300C15E - Thang cáp W300xH100xT1.5 Sơn tĩnh điện.	Code of Product	LSS-WWWWHTTE Ex: LSS-0300C15E - Cable ladder W300xH100xT1.5 Electro powder coating
Khác	Thang cáp tiêu chuẩn không bao gồm nắp. Nếu có khách hàng phải yêu cầu rõ.	Others	The standard supplied cable ladder without cover. Can be supplied as requested or any special option.
Lưu ý	W >= H	Note	W >=H

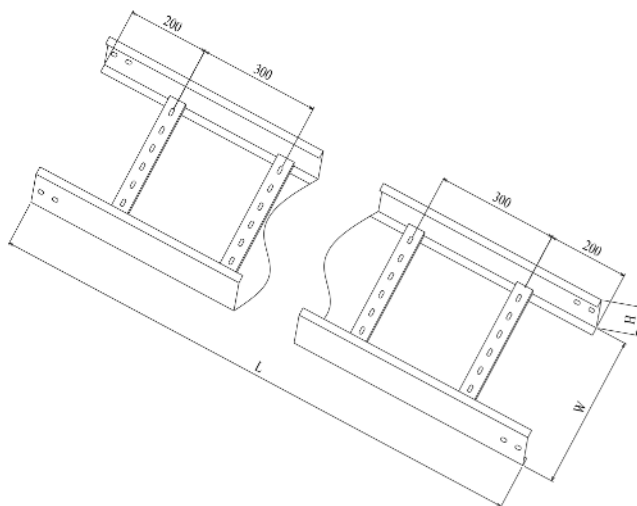


NỐI THẲNG THANG CẤP VÀ ỐC VÍT
Straight Connector Ladder, Bolt & nut



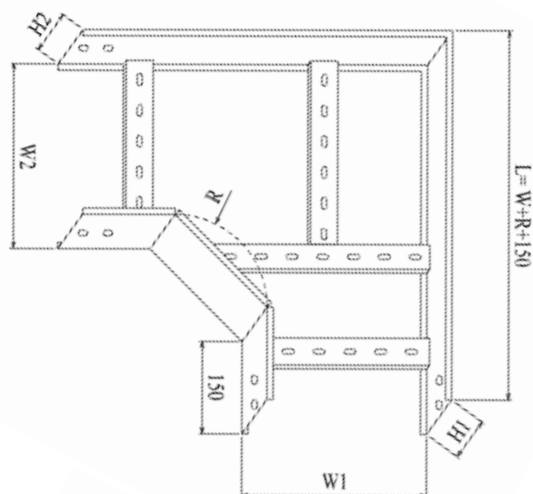
THANG CÁP - Cable ladder

Code	W	H	T	L
LSS 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	2500
LSS 200	200		1.2, 1.5	2500
LSS 300	300		1.2, 1.5	2500
LSS 400	400		1.5	2500
LSS 500	500		1.5, 2.0	2500
LSS 600	600		2.0	2500
LSS 700	700		2.0	2500
LSS 800	800		2.0	2500
LSS 900	900		2.0	2500
LSS 1000	1000		2.0	2500



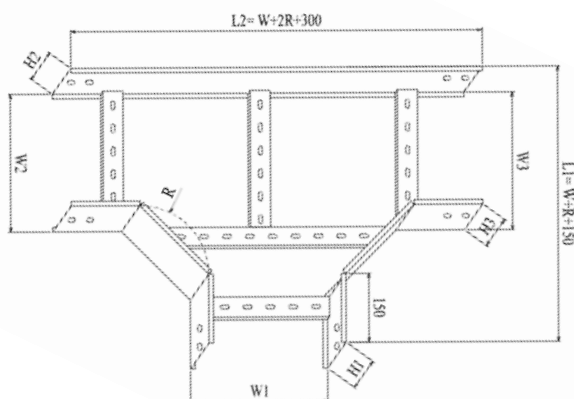
CO NGANG - Horizontal Elbow

Code	W	H	T	R
LHE 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	150
LHE 200	200		1.2, 1.5	
LHE 300	300		1.2, 1.5	
LHE 400	400		1.5	
LHE 500	500		1.5, 2.0	
LHE 600	600		2.0	
LHE 700	700		2.0	
LHE 800	800		2.0	
LHE 900	900		2.0	
LHE 1000	1000		2.0	



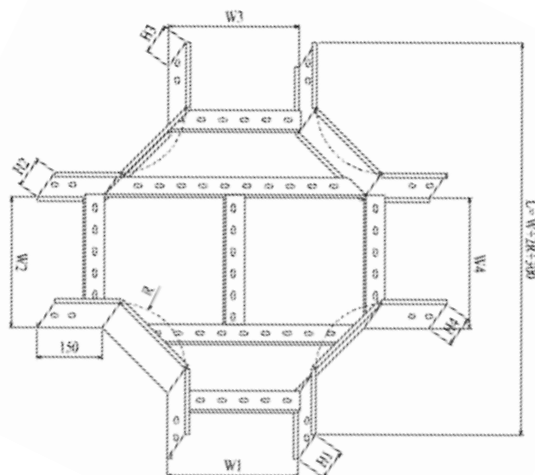
T NGANG - Horizontal Tee

Code	W	H	T	R
LHT 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	150
LHT 200	200		1.2, 1.5	
LHT 300	300		1.2, 1.5	
LHT 400	400		1.5	
LHT 500	500		1.5, 2.0	
LHT 600	600		2.0	
LHT 700	700		2.0	
LHT 800	800		2.0	
LHT 900	900		2.0	
LHT 1000	1000		2.0	



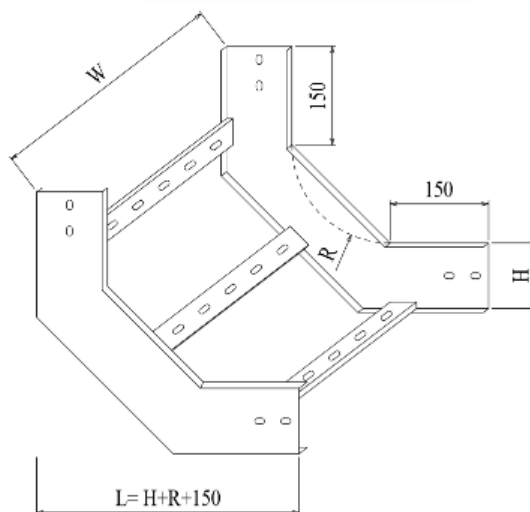
NGÃ 4 NGANG - Horizontal Cross

Code	W	H	T	R
LHC 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	150
LHC 200	200		1.2, 1.5	
LHC 300	300		1.2, 1.5	
LHC 400	400		1.5	
LHC 500	500		1.5, 2.0	
LHC 600	600		2.0	
LHC 700	700		2.0	
LHC 800	800		2.0	
LHC 900	900		2.0	
LHC 1000	1000		2.0	



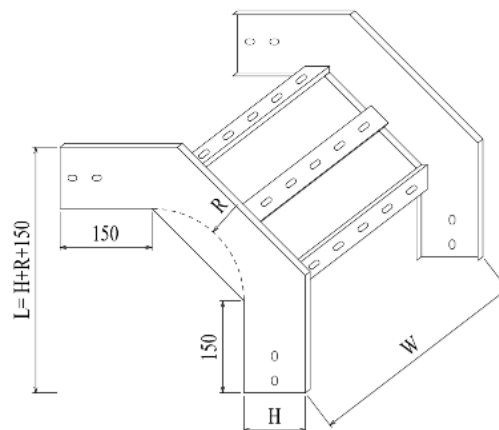
CO LÊN - Inside Risers

Code	W	H	T	R
LIR 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	150
LIR 200	200		1.2, 1.5	
LIR 300	300		1.2, 1.5	
LIR 400	400		1.5	
LIR 500	500		1.5, 2.0	
LIR 600	600		2.0	
LIR 700	700		2.0	
LIR 800	800		2.0	
LIR 900	900		2.0	
LIR 1000	1000		2.0	



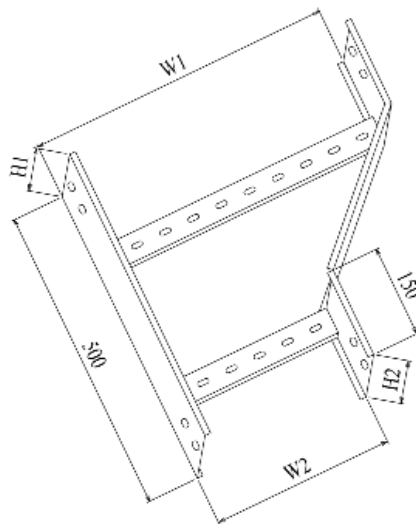
CO XUỐNG - Outside Risers

Code	W	H	T	R
LOR 100	100	75, 100, 150, 200	1.2	150
LOR 200	200		1.2, 1.5	
LOR 300	300		1.2, 1.5	
LOR 400	400		1.5	
LOR 500	500		1.5, 2.0	
LOR 600	600		2.0	
LOR 700	700		2.0	
LOR 800	800		2.0	
LOR 900	900		2.0	
LOR 1000	1000		2.0	



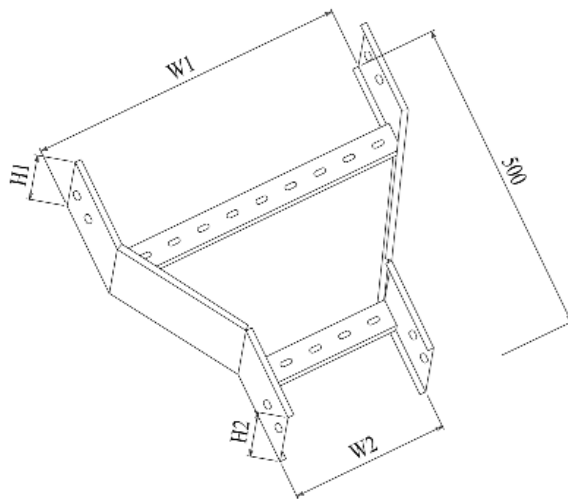
GIẢM TRÁI - Left Reducer

Code	W1	W2	H	T
LLR	200	100	75, 100, 150, 200	1.2
LLR	300	200		1.2, 1.5
LLR	400	300		1.2, 1.5
LLR	500	400		1.5
LLR	600	500		1.5, 2.0
LLR	700	600		2.0
LLR	800	700		2.0
LLR	900	800		2.0
LLR	1000	900		2.0



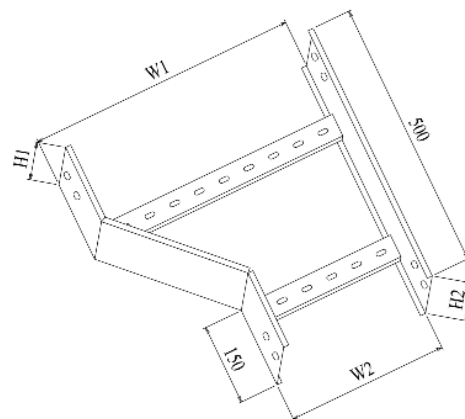
GIẢM GIỮA - Center Reducer

Code	W1	W2	H	T
LCR	200	100	75, 100, 150, 200	1.2
LCR	300	200		1.2, 1.5
LCR	400	300		1.2, 1.5
LCR	500	400		1.5
LCR	600	500		1.5, 2.0
LCR	700	600		2.0
LCR	800	700		2.0
LCR	900	800		2.0
LCR	1000	900		2.0



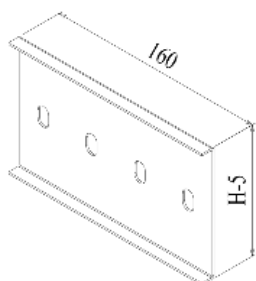
GIẢM PHẢI - Right Reducer

Code	W1	W2	H	T
LRR	200	100	75, 100, 150, 200	1.2
LRR	300	200		1.2, 1.5
LRR	400	300		1.2, 1.5
LRR	500	400		1.5
LRR	600	500		1.5, 2.0
LRR	700	600		2.0
LRR	800	700		2.0
LRR	900	800		2.0
LRR	1000	900		2.0

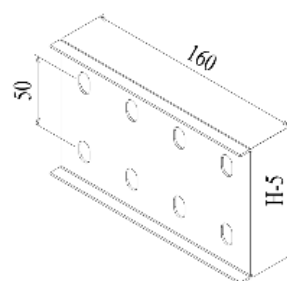


NỐI THANG CẤP - Ladder Connector

$W < 500\text{mm}$

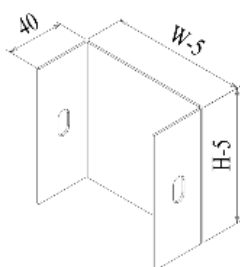


$W \geq 500\text{mm}$

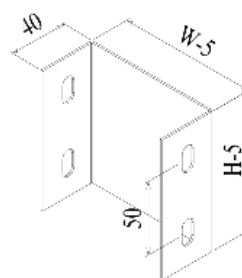


CHẶN ĐẦU CUỐI - Ending Stopper

$W < 500\text{mm}$

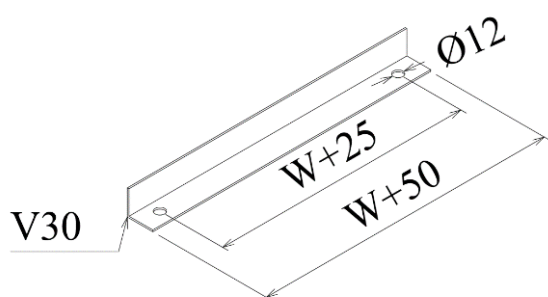


$W \geq 500\text{mm}$

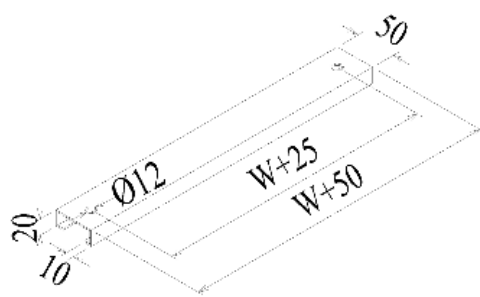


THANH ĐỖ - Support

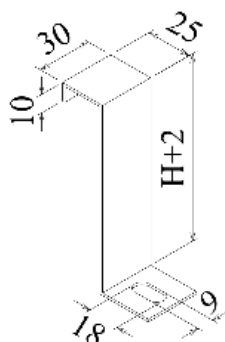
$W \leq 400\text{mm}$



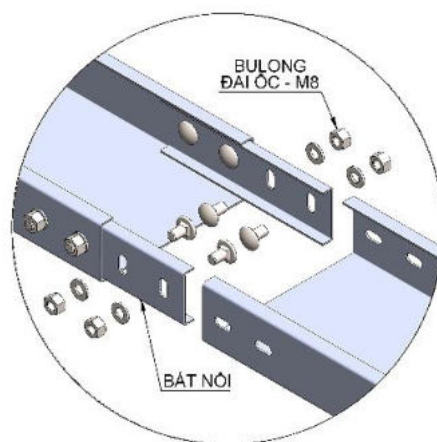
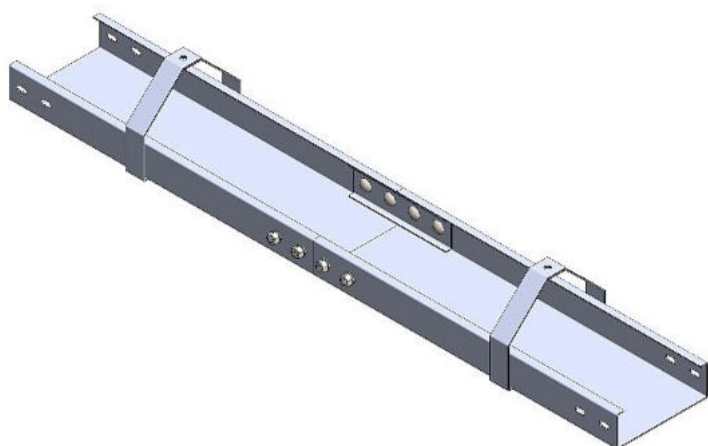
$W > 400\text{mm}$



KẸP THANG CẤP - Ladder holder

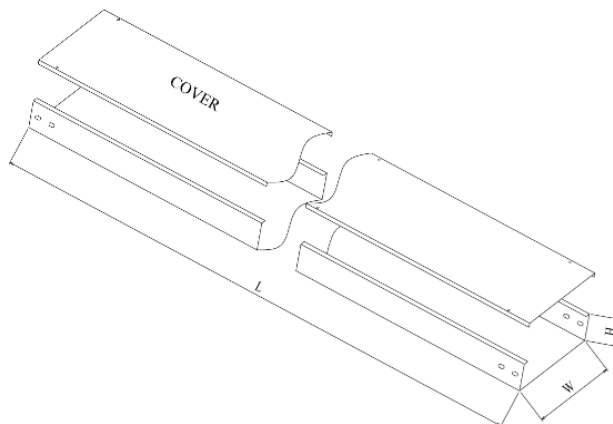


ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		SPECIFICATION	
Tiêu chuẩn	NEMA VE 1 - 2002	Standard	NEMA VE 1 - 2002
Chiều rộng tiêu chuẩn(W)	50, 75, 100mm – 1000mm	Dimension width(W)	50 ,75, 100mm – 1000mm
Chiều cao tiêu chuẩn(H)	50mm, 75mm, 100mm, 150mm, 200mm	Standard height(H)	50mm, 75mm, 100mm, 150mm, 200mm
Chiều dày tiêu chuẩn(T)	1.0mm, 1,2mm, 1.5mm, 2.0mm <i>Mạ kẽm nhúng nóng: T (1.5~2.0mm)</i>	Thickness(T)	1.0mm, 1,2mm, 1.5mm, 2.0mm Hot Dip gavanized: T (1.5~2.0mm)
Chiều dài tiêu chuẩn(L)	2500mm	Standard length (L)	2500mm
Bề mặt hoàn thiện(F)	Sơn tĩnh điện(E), Tráng kẽm(G), Mạ kẽm nhúng nóng(H)	Surface finishing	Electro powder coating(E), Pre-Galvanised(G), Hot Dip galvanised(H)
Màu tiêu chuẩn	Màu xám RAL 7035/ Cam RAL 2004/ Xanh RAL 5005. Các màu khác có thể cung cấp tùy theo yêu cầu khách hàng	Standard color	Gray RAL 7035/ Orange RAL 2004/ Blue RAL 5005 Other color are available upon request.
Mã Sản phẩm	KSS-WWWWHTTE VD: KSS-0300C15E - Máng cáp W300xH100xT1.5 Sơn tĩnh điện.	Code of Product	KSS-WWWWHTTE Ex: KSS-0300C15E - Trunking W300xH100xT1.5 Electro powder coating.
Khác	Máng cáp tiêu chuẩn có nắp. Nếu không có, phải ghi chú rõ.	Others	The standard supplied Trunking includes cover. Unless, Specify clearly.
Lưu ý	$W \geq H$	Note	$W \geq H$



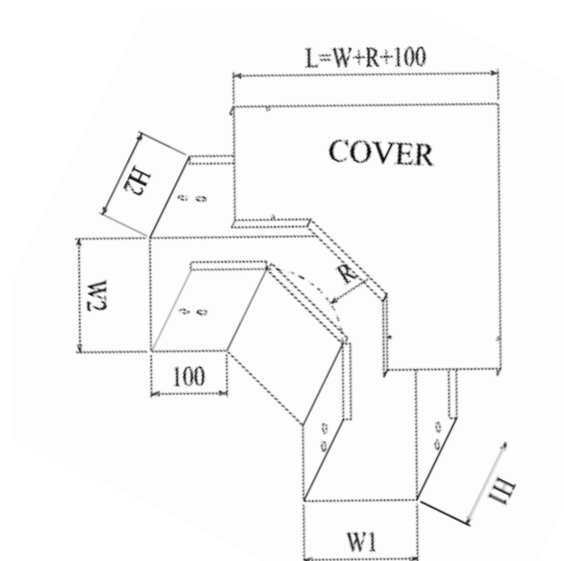
MÁNG CÁP - Trunking

Code	W	H	T	L
KSS	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	2500
KSS	100		1.2	2500
KSS	200		1.2,1.5	2500
KSS	300		1.2,1.5	2500
KSS	400		1.5	2500
KSS	500		1.5, 2.0	2500
KSS	600		2	2500
KSS	700		2	2500
KSS	800		2	2500
KSS	900		2	2500
KSS	1000		2	2500



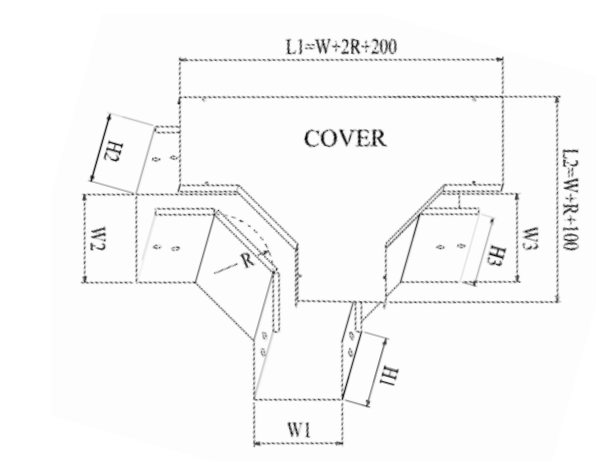
CO NGANG - Horizontal Elbow

Code	W	H	T	R
KHE	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
KHE	100		1.2	
KHE	200		1.2,1.5	
KHE	300		1.2,1.5	
KHE	400		1.5	
KHE	500		1.5, 2.0	
KHE	600		2	
KHE	700		2	
KHE	800		2	
KHE	900		2	
KHE	1000		2	



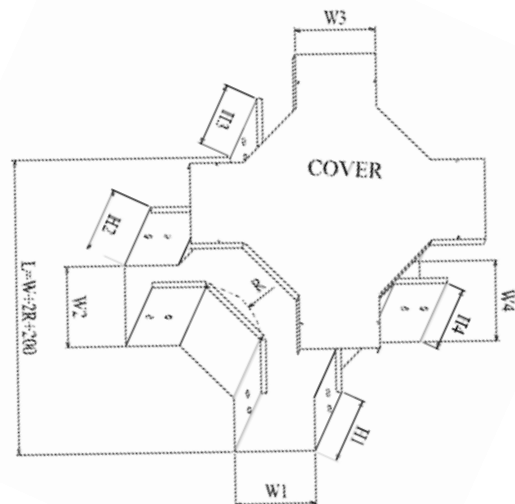
T NGANG - Horizontal Tee

Code	W	H	T	R
KHT	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
KHT	100		1.2	
KHT	200		1.2,1.5	
KHT	300		1.2,1.5	
KHT	400		1.5	
KHT	500		1.5, 2.0	
KHT	600		2	
KHT	700		2	
KHT	800		2	
KHT	900		2	
KHT	1000		2	



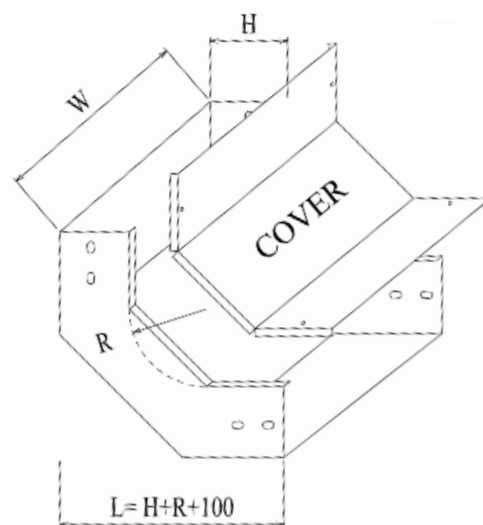
NGÃ 4 NGANG - Horizontal Cross

Code	W	H	T	R
KHC	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
KHC	100		1.2	
KHC	200		1.2,1.5	
KHC	300		1.2,1.5	
KHC	400		1.5	
KHC	500		1.5, 2.0	
KHC	600		2	
KHC	700		2	
KHC	800		2	
KHC	900		2	
KHC	1000		2	



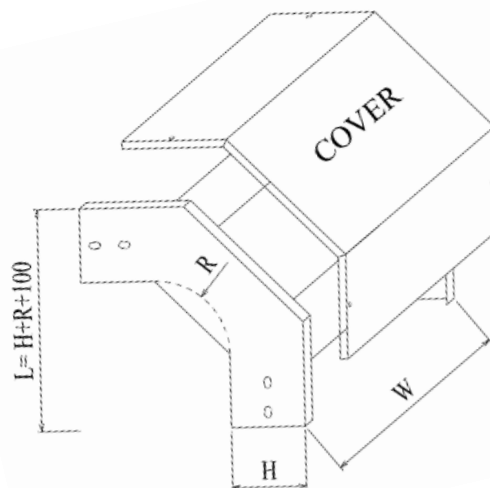
CO LÊN - Inside Risers

Code	W	H	T	R
KIR	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
KIR	100		1.2	
KIR	200		1.2,1.5	
KIR	300		1.2,1.5	
KIR	400		1.5	
KIR	500		1.5, 2.0	
KIR	600		2	
KIR	700		2	
KIR	800		2	
KIR	900		2	
KIR	1000		2	



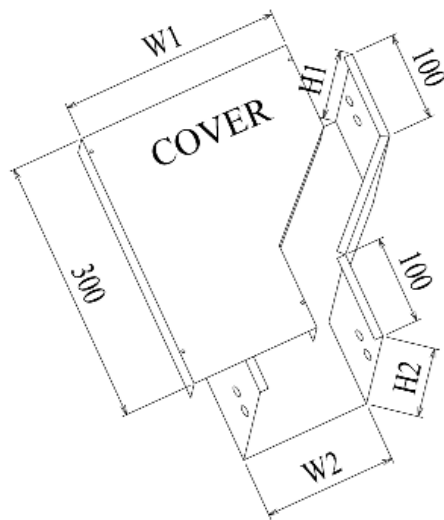
CO XUỐNG - Outside Risers

Code	W	H	T	R
KOR	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
KOR	100		1.2	
KOR	200		1.2,1.5	
KOR	300		1.2,1.5	
KOR	400		1.5	
KOR	500		1.5, 2.0	
KOR	600		2	
KOR	700		2	
KOR	800		2	
KOR	900		2	
KOR	1000		2	



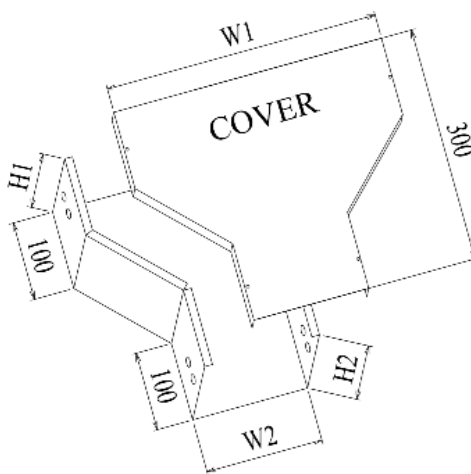
GIẢM TRÁI - Left Reducer

Code	W1	W2	H	T
KLR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
KLR	100	75		1.2,1.5
KLR	200	100		1.2,1.5
KLR	300	200		1.5
KLR	400	300		1.5, 2.0
KLR	500	400		2.0
KLR	600	500		2.0
KLR	700	600		2.0
KLR	800	700		2.0
KLR	900	800		2.0
KLR	1000	900		2.0



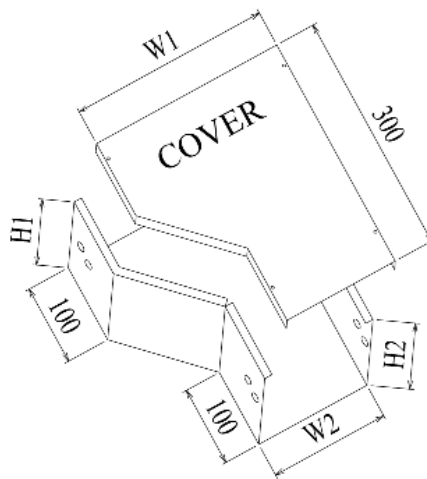
GIẢM GIỮA - Center Reducer

Code	W1	W2	H	T
KCR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
KCR	100	75		1.2,1.5
KCR	200	100		1.2,1.5
KCR	300	200		1.5
KCR	400	300		1.5, 2.0
KCR	500	400		2.0
KCR	600	500		2.0
KCR	700	600		2.0
KCR	800	700		2.0
KCR	900	800		2.0
KCR	1000	900		2.0

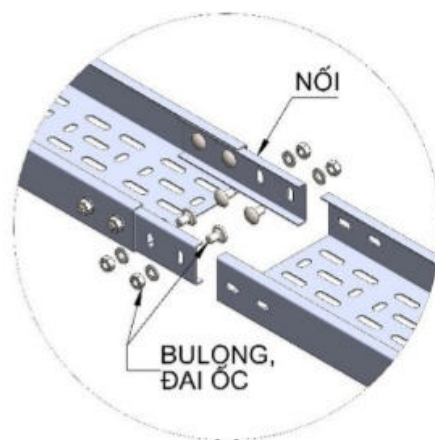
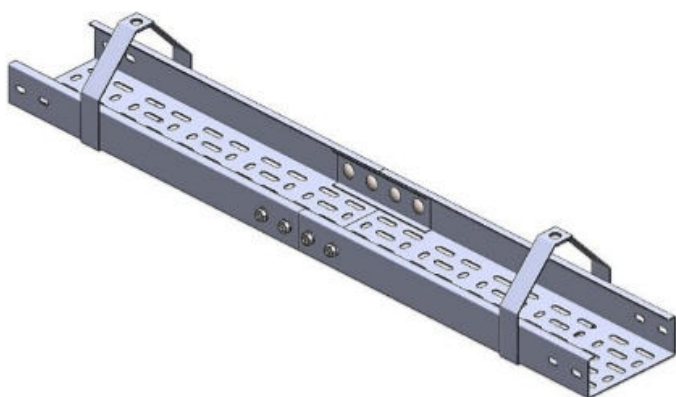


GIẢM PHẢI - Right Reducer

Code	W1	W2	H	T
KRR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
KRR	100	75		1.2,1.5
KRR	200	100		1.2,1.5
KRR	300	200		1.5
KRR	400	300		1.5, 2.0
KRR	500	400		2.0
KRR	600	500		2.0
KRR	700	600		2.0
KRR	800	700		2.0
KRR	900	800		2.0
KRR	1000	900		2.0

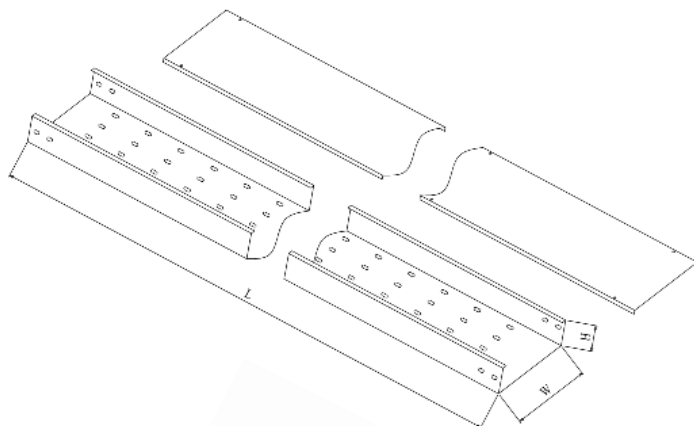


ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		SPECIFICATION	
Tiêu chuẩn	NEMA VE 1 - 2002	Standard	NEMA VE 1 - 2002
Chiều rộng tiêu chuẩn(W)	50, 75, 100mm – 1000mm	Dimension width(W)	50, 75, 100mm – 1000mm
Chiều cao tiêu chuẩn(H)	50mm, 75mm, 100mm, 150mm, 200mm	Standard height(H)	50mm, 75mm, 100mm, 150mm, 200mm
Chiều dày tiêu chuẩn(T)	1.0mm, 1,2mm, 1.5mm, 2.0mm Mạ kẽm nhúng nóng: T (1.5~2.0mm)	Thickness(T)	1.0mm, 1,2mm, 1.5mm, 2.0mm Hot Dip gavanized: T (1.5~2.0mm)
Chiều dài tiêu chuẩn(L)	2500mm	Standard length (L)	2500mm
Bề mặt hoàn thiện(F)	Sơn tĩnh điện(E), tráng kẽm(G), nhúng kẽm nóng(H)	Surface finishing	Electro powder coating(E), Pre-Galvanised(G), Hot Dip galvanised(H)
Màu tiêu chuẩn	Màu xám RAL 7035/ Cam RAL 2004/ Xanh RAL 5005. Các màu khác có thể cung cấp tùy theo yêu cầu khách hàng	Standard color	Gray RAL 7035/ Orange RAL 2004/ Blue RAL 5005 Other color are available upon request.
Mã Sản phẩm	TSS-WWWWHTTE VD: TSS-0300C15E - Khay cáp W300xH100xT1.5 Sơn tĩnh điện.	Code of Product	TSS-WWWWHTTE Ex: TSS-0300C15E - Cable Tray W300xH100xT1.5 Electro powder coating
Khác	Khay cáp tiêu chuẩn không bao gồm nắp. Nếu có khách hàng phải yêu cầu rõ.	Others	The standard supplied Cable Tray without cover. Can be supplied as requested or any special option.
Lưu ý	W >= H	Note	W >= H



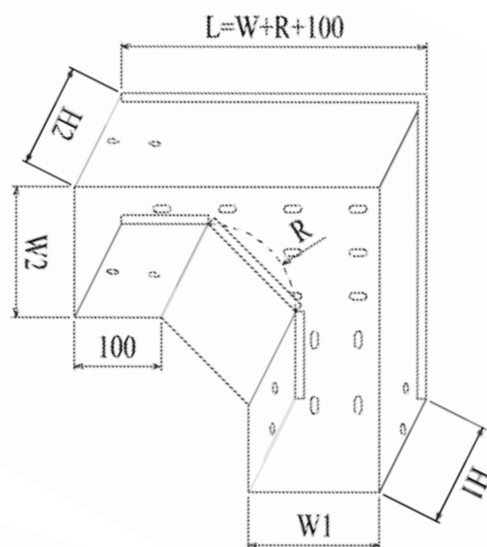
KHAY CÁP - Cable Tray

Code	W	H	T	L
TSS	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	2500
TSS	100		1.2	2500
TSS	200		1.2,1.5	2500
TSS	300		1.2,1.5	2500
TSS	400		1.5	2500
TSS	500		1.5, 2.0	2500
TSS	600		2	2500
TSS	700		2	2500
TSS	800		2	2500
TSS	900		2	2500
TSS	1000		2	2500



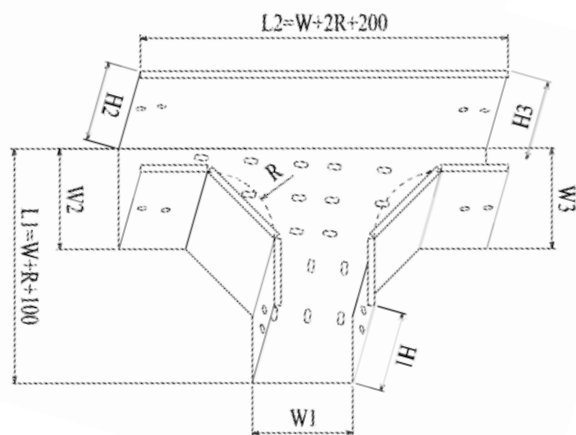
CO NGANG - Horizontal Elbow

Code	W	H	T	R
THE	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
THE	100		1.2	
THE	200		1.2,1.5	
THE	300		1.2,1.5	
THE	400		1.5	
THE	500		1.5, 2.0	
THE	600		2	
THE	700		2	
THE	800		2	
THE	900		2	
THE	1000		2	



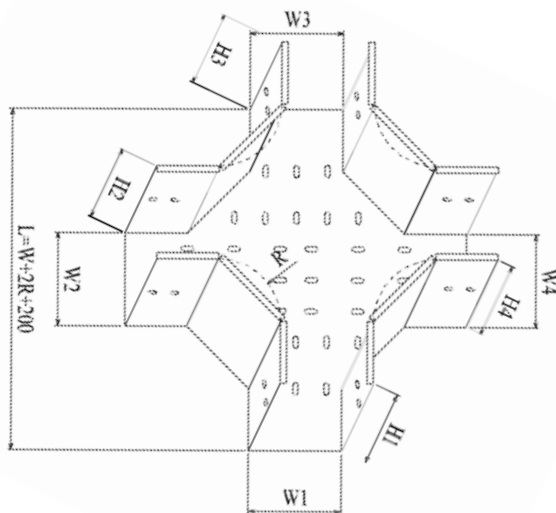
T NGANG - Horizontal Tee

Code	W	H	T	R
THT	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
THT	100		1.2	
THT	200		1.2,1.5	
THT	300		1.2,1.5	
THT	400		1.5	
THT	500		1.5, 2.0	
THT	600		2	
THT	700		2	
THT	800		2	
THT	900		2	
THT	1000		2	



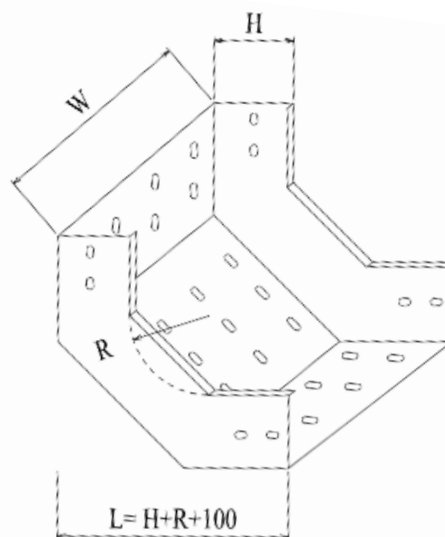
NGÃ 4 NGANG - Horizontal Cross

Code	W	H	T	R
THC	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
THC	100		1.2	
THC	200		1.2,1.5	
THC	300		1.2,1.5	
THC	400		1.5	
THC	500		1.5, 2.0	
THC	600		2	
THC	700		2	
THC	800		2	
THC	900		2	
THC	1000		2	



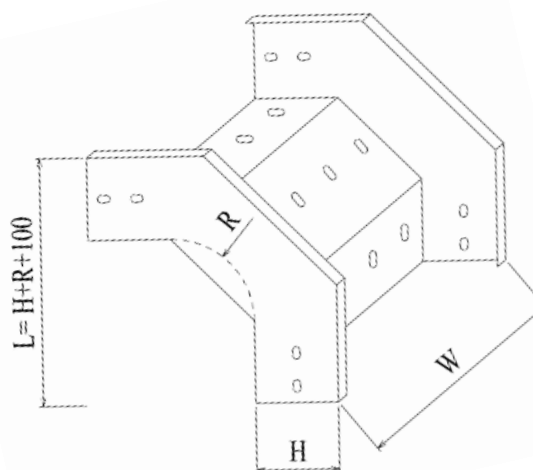
CO LÊN - Inside Risers

Code	W	H	T	R
TIR	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
TIR	100		1.2	
TIR	200		1.2,1.5	
TIR	300		1.2,1.5	
TIR	400		1.5	
TIR	500		1.5, 2.0	
TIR	600		2	
TIR	700		2	
TIR	800		2	
TIR	900		2	
TIR	1000		2	



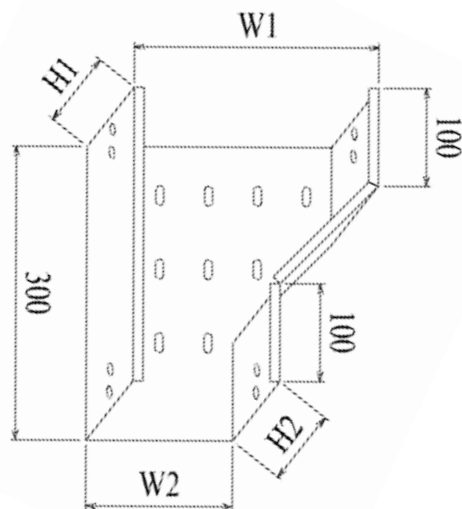
CO XUỐNG - Outside Risers

Code	W	H	T	R
TOR	50, 75	50,75,100 ,150,200	1.0, 1.2	100
TOR	100		1.2	
TOR	200		1.2,1.5	
TOR	300		1.2,1.5	
TOR	400		1.5	
TOR	500		1.5, 2.0	
TOR	600		2	
TOR	700		2	
TOR	800		2	
TOR	900		2	
TOR	1000		2	



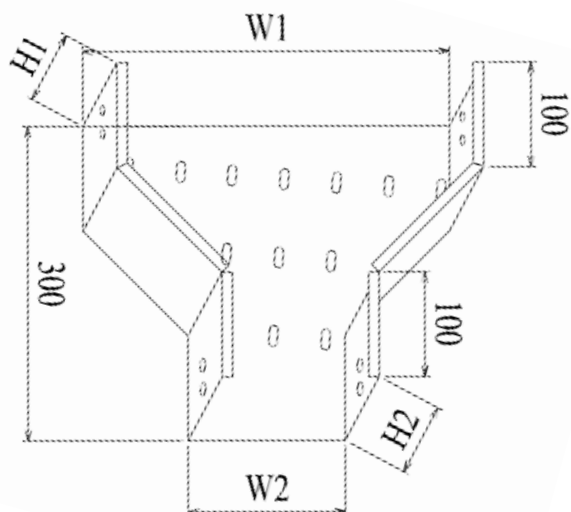
GIẢM TRÁI - Left Reducer

Code	W1	W2	H	T
TLR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
TLR	100	75		1.2,1.5
TLR	200	100		1.2,1.5
TLR	300	200		1.5
TLR	400	300		1.5, 2.0
TLR	500	400		2.0
TLR	600	500		2.0
TLR	700	600		2.0
TLR	800	700		2.0
TLR	900	800		2.0
TLR	1000	900		2.0



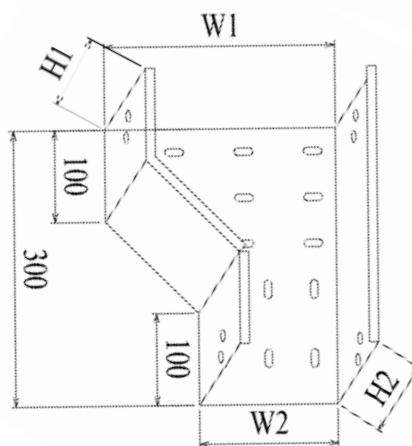
GIẢM GIỮA - Center Reducer

Code	W1	W2	H	T
TCR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
TCR	100	75		1.2,1.5
TCR	200	100		1.2,1.5
TCR	300	200		1.5
TCR	400	300		1.5, 2.0
TCR	500	400		2.0
TCR	600	500		2.0
TCR	700	600		2.0
TCR	800	700		2.0
TCR	900	800		2.0
TCR	1000	900		2.0



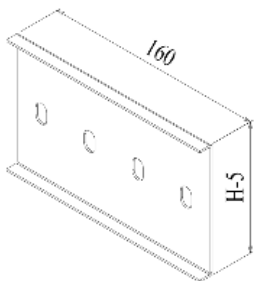
GIẢM PHẢI - Right Reducer

Code	W1	W2	H	T
TRR	75	50	50,75,100 ,150,200	1.2
TRR	100	75		1.2,1.5
TRR	200	100		1.2,1.5
TRR	300	200		1.5
TRR	400	300		1.5, 2.0
TRR	500	400		2.0
TRR	600	500		2.0
TRR	700	600		2.0
TRR	800	700		2.0
TRR	900	800		2.0
TRR	1000	900		2.0

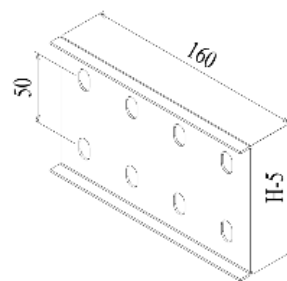


NỐI MĂNG CÁP - Trunking Connector

$W < 500\text{mm}$

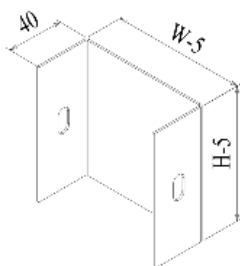


$W \geq 500\text{mm}$

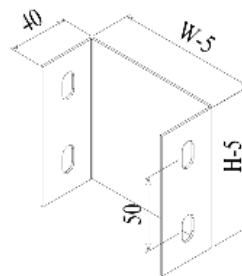


CHẶN ĐẦU CUỐI - Ending Stopper

$W < 500\text{mm}$

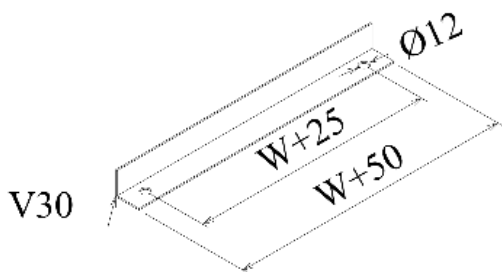


$W \geq 500\text{mm}$

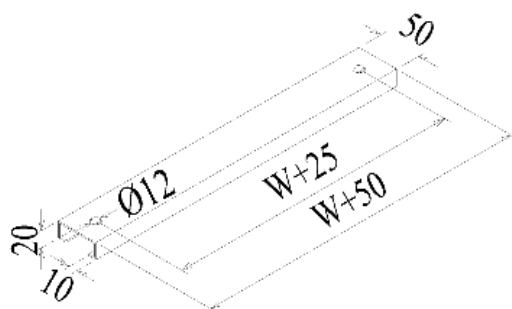


THANH ĐỖ - Support

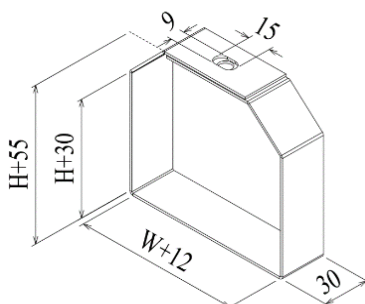
$W \leq 400\text{mm}$

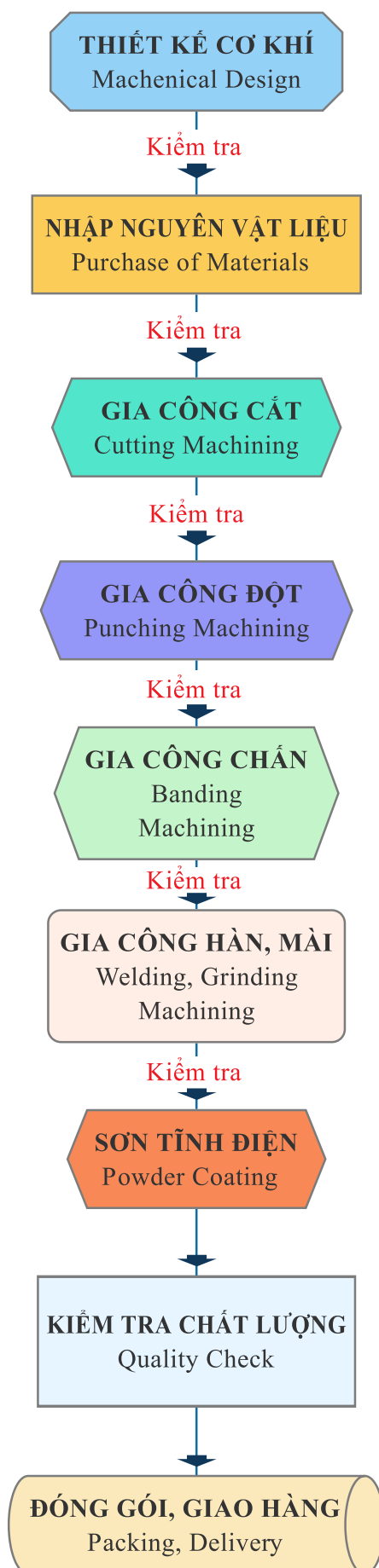


$W > 400\text{mm}$



CÙM TREO - Clevis Hanger ($W \leq 200\text{mm}$)







NAM HOA SWITCHBOARD

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU PROJECTS REFERENCES



Khu Căn Hộ Cao Cấp Centum Wealth



Chung Cư Saigon Avenue



Chung Cư Sen Hồng



Nhà Máy Bia Heiniken



Nhà Máy Masan Nghệ An



Nhà Máy New - Hanam



NAM HOA SWITCHBOARD

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU PROJECTS REFERENCES



Nhà Máy Bao Bì Việt Hưng



Nhà Máy Daihan - Vina



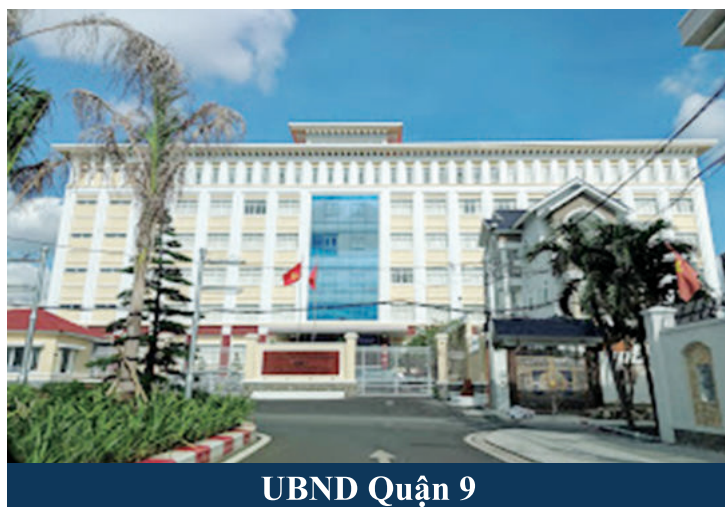
Nhà Máy Dược Merdipha USA



Nhà Máy Platel - Vina



Rạp Chiếu Phim Beta Cao Thắng



UBND Quận 9



NAM HOA SWITCHBOARD



NAM HOA SWITCHBOARD

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN NAM HÒA

NAM HOA MECHANICAL ELECTRICAL JSC (NAM HOA ME JSC)

Address: 86/7/30 Dinh Phong Phu, Tang Nhon Phu B ward, District 9, HCM City, Viet Nam

Tel : 0283 6400 467 Fax : 0283 6400 529

Hotline : 0935.716.305 - 0938631366

Factory: 304/4 Long Binh Quarter, Khanh Binh Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province